

CỘNG BẰNG CÁCH ĐẾM THÊM

(2 tiết – SGK trang 60)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Thực hiện được phép cộng bằng cách đếm thêm.
- Hình thành thao tác đếm thêm bằng các ngón tay.
- Sử dụng đếm thêm để tìm “tất cả”.
- Sử dụng mẫu câu: “...thêm...được...” để thông báo.

- Thực hiện phép cộng một số với 0 và ngược lại.
- Làm quen với việc thực hiện tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính cộng.
- Quan sát tranh, nói được “câu chuyện” xảy ra phép cộng, viết phép tính liên quan.
- Vận dụng tính chất giao hoán của phép cộng, tính hợp lí (đếm thêm từ số lớn).

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội.

B. Thiết bị dạy học

GV: 8 khối lập phương (2 màu: 5 + 3).

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHÓI ĐỘNG

GV có thể cho HS chơi “Đố bạn”.

Ví dụ: 4 thêm 2

6 thêm 3

5 thêm 5

...

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Giới thiệu cách thực hiện phép cộng bằng đếm thêm

- HS hoạt động nhóm bốn theo trình tự:
 - **Xác định** nhiệm vụ ($5 + 2 = ?$)
 - **Quan sát** tranh, nói “câu chuyện” phù hợp phép cộng trên theo cấu trúc:

Có...

Thêm...

Có tất cả...

- **Giải thích** cách thể hiện phép tính bằng các khối lập phương trong SGK.
- **Viết** phép tính ($5 + 2 = 7$) và **giải thích** cách tìm kết quả (HS có thể đếm kién, khối lập phương, dùng sơ đồ tách – gộp số,...).
- GV hướng dẫn HS thực hiện phép cộng bằng cách đếm thêm:
 - **Có** 5 con kién (GV và HS lấy ra 5 khối lập phương – GV gắn lên bảng lớp; HS để trên bàn)
 - Thêm 2 con nữa (Lấy tiếp 2 khối lập phương để cách khỏi nhóm 5 khối – GV dùng 2 khối khác màu).
 - **Có tất cả** mấy con kién?
 - GV hướng dẫn cách đếm

+ Sử dụng khối lập phương:

GV chỉ vào cà thanh 5 khối lập phương xanh (HS chỉ vào nhóm 5 khối và **nói** 5).

GV chỉ lần lượt các khối lập phương đỏ (HS **đếm** 6, 7).

HS **nói**: 5 **thêm** 2 được 7.

+ Sử dụng ngón tay:

GV làm mẫu (vừa nói, vừa minh họa bằng tay): **Năm**, sáu, bảy (bật từng ngón)



Nói: 5 **thêm** 2 được 7

Viết: $5 + 2 = 7$

GV giúp HS **nhận biết**, thêm 2 thì bật 2 ngón tay.

HS **làm** theo (nhiều lần).

HS **thực hành** đếm thêm một số trường hợp (cả lớp đưa tay).

2. Thực hành dùng cách đếm thêm để thực hiện phép cộng

Bài 1: Đếm thêm trên các khối lập phương

- GV cùng HS thực hiện mẫu theo trình tự:

- **Xác định** nhiệm vụ ($4 + 2 = ?$).
- **Quan sát** tranh, **nói** “câu chuyện” phù hợp phép tính.
- **Đếm thêm** tìm kết quả.

HS 1: đếm thêm trên khối lập phương

GV và HS **tính** ra 4 khối lập phương.

Lấy tiếp 2 khối lập phương để cách khỏi nhóm 4 khối
(GV gắn trên bảng lớp, HS đếm trên bàn).

GV và HS cùng **đếm** (kết hợp thao tác tay)

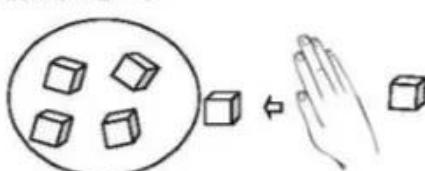
Bốn,

Năm, (tay **gạt** 1 khối vào nhóm 4 khối),

Sáu (**gạt** tiếp 1 khối còn lại vào nhóm 5 khối).

Nói: 4 **thêm** 2 **được** 6.

Viết: $4 + 2 = 6$



HS 2: dùng các ngón tay để đếm thêm (4), viết phép tính.

- Hai HS **so sánh** kết quả. Cả lớp **đọc** phép tính.

- HS (nhóm đôi) cùng thực hành các câu của bài.

Bài 2:

- GV cùng HS thực hiện mẫu theo trình tự:
 - **Xác định** nhiệm vụ ($8 + 2 = ?$).
 - **Quan sát** tranh, **nói** “câu chuyện” phù hợp phép tính.
 - **Đếm thêm** tìm kết quả.
 - **Viết và đọc** phép tính.
- HS **thực hành** $6 + 3 = ?$ theo trình tự mẫu.

– Khái quát:

$$8 + 2 = 10 \text{ vì } 8 \text{ thêm } 2 \text{ được } 10$$

$$6 + 3 = 9 \text{ vì } 6 \text{ thêm } 3 \text{ được } 9.$$

Mở rộng: GV có thể nói về những điều tốt đẹp của kiến:

Mạnh khoẻ (tranh thứ nhất)

Siéng năng (tranh thứ hai)

Tốt bụng (giúp đỡ nhau khi hoạn nạn – tranh thứ ba)

LUYỆN TẬP

Bài 1:

HS dùng cách **đếm thêm** để thực hiện phép tính.

- HS làm việc theo nhóm bốn: mỗi em **thực hiện** ba phép tính. Sau đó, các em **chia sẻ** với nhau.
- HS **nêu** kết quả và cách làm.
- GV lưu ý HS “đếm thêm từ số lớn thi dễ hơn”.

Bài 2:

– Mẫu: HS **quan sát** tranh, **nêu** từng “câu chuyện” phù hợp với phép tính, rồi **thực hiện** phép tính ($3 + 2, 5 + 1$).

- GV giới thiệu một “câu chuyện” và cách tính toán thể hiện nội dung bức tranh:

Có 3 bạn đang đọc sách

Thêm 2 bạn rồi lại **thêm** 1 bạn nữa

Tất cả có bao nhiêu bạn?

$$3 + 2 + 1 = ?$$

GV hướng dẫn làm từ trái qua phải, HS **chỉ cần viết kết quả cuối cùng**

$$3 + 2 + 1 = 6.$$

* Mở rộng:

$$3 + 2 + 1$$

Thêm 2, thêm 1 tức là thêm 3.

Ta có thể tính $2 + 1 = 3$

$$3 + 3 = 6.$$

- HS tiếp tục **thực hiện** các phép tính còn lại từ trái sang phải.

Bài 3:

a) – HS **nêu** từng câu chuyện phù hợp với phép tính, rồi **thực hiện** phép tính.

– GV khai quát:

Một số cộng với 0 (hoặc 0 cộng với một số) thì bằng chính số đó.

b) – HS **thực hiện** các phép tính.

– Khi sửa bài, khuyến khích HS **nói** cách tìm kết quả (theo nhận xét khai quát trên).

CÙNG CỐ

Chơi: Ai nhanh tay?

GV đọc phép tính.

HS **thực hiện** và **viết** phép tính vào bảng con rồi **nêu** cách tính.

Ví dụ: $6 + 2 = ?$

$$6 + 2 = 8$$

...